

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 29-4-2020.

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.
2. Ông Lê Quang Thanh.

T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - T ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 3, ngày 24 và ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 496/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc *“tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 40/2020/QĐST-DS ngày 17/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST – DS ngày 06/3/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 45/2020/QĐST – DS ngày 24/3/2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 12/TB – TA ngày 18/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Dương Huỳnh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, Đường B, Phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Đình Hải, sinh năm 1989, địa chỉ: số 200, đường Thiên Hộ Dương, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 03/6/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh Hoa, văn phòng Luật sư Quỳnh Hoa, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: số 200, đường Thiên Hộ Dương, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Phạm Thành P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số X, Tổ Y, Khóm Z, Phường T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Kiều Linh, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 66/6, Tổ 12, Khóm 1, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Đại diện hợp của nguyên đơn có mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 09/01/2017, ông Phạm Thành P có làm biên nhận mượn của ông Dương Huỳnh T số tiền là 2.000.000.000 đồng để trả nợ vay Ngân hàng (trả nợ cho Doanh nghiệp tư nhân Khoa Nam do ông P làm chủ doanh nghiệp) và hẹn đến ngày 11/01/2017 sẽ hoàn trả lại nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông T, tiền vay Ngân hàng ông P cũng không trả. Khi mượn tiền, hai bên có làm biên nhận, trong biên nhận ông P có làm cam kết bảo đảm bằng các tài sản gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở; số chứng nhận BC697012; thửa đất số 375; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp ngày 28/3/2011;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC898893; thửa đất số 180; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh cấp ngày 05/10/2005;

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 878662986600547; thửa đất số 180-181; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh cấp ngày 07/11/2006, ông P có giao cho ông Tong 04 bản photocopy.

Về phần tài sản của ông P đã cam kết để bảo đảm cho khoản nợ nêu trên, do là chỗ quen biết nên ông T tin tưởng, đồng thời tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng nên ông T chỉ yêu cầu ông P cung cấp bản sao giấy tờ về tài sản, không làm hợp đồng thế chấp vì tổng giá trị những tài sản này ước tính có giá trị đủ đảm bảo cho số nợ vay Ngân hàng và nợ đã mượn của ông T.

Do là chỗ quen biết nên ông T cho ông P mượn tiền mà không tính lãi, nhưng đã nhiều lần ông T tìm kiếm ông P để yêu cầu giải quyết khoản nợ nêu trên nhưng ông P cố tình lẩn tránh và không hợp tác.

Ông T khởi kiện yêu cầu ông P và bà Linh liên đới trả nợ cho ông T số tiền là 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, anh Trần Đình Hải, là người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Huỳnh T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Linh có trách nhiệm liên đới cùng ông P trả số tiền vay cho ông T, đồng thời xác định việc ông

T cho ông P vay tiền là cho cá nhân ông P vay tiền, cam kết chữ ký tên và chữ viết họ và tên trong biên nhận ngày 09/01/2017 là do ông P trực tiếp ký và viết ra.

Anh Trần Đình Hải là người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Huỳnh T yêu cầu ông Phạm Thành P có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay là 2.000.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 09/01/2017, không yêu cầu tính lãi.

Đối với 04 bản photocopy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P giao cho ông T giữ bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở; sổ chứng nhận BC697012; thửa đất số 375; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp ngày 28/3/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC898893; thửa đất số 180; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh cấp ngày 05/10/2005; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 878662986600547; thửa đất số 180-181; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh cấp ngày 07/11/2006. Ông T chỉ giữ bản phô tô, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Thành P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kiều Linh, không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn với nội dung như sau: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn xác định đây là hợp đồng vay tài sản và bị đơn có địa chỉ tại Phường 1, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn căn cứ vào biên nhận nợ ngày 09/01/2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu việc tuân theo phát luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án như sau:

Về tố tụng:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gọi các văn bản tố tụng cũng như hồ sơ vụ án.

Về thu thập tài liệu chứng cứ: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để có văn bản đề nghị Cơ quan chuyên môn cung cấp thông tin về việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có nhập cảnh và xuất cảnh Việt Nam từ sau ngày 16/5/2019 đến khi Tòa án xét xử hay không, thời gian, nước nào, có quản lý được địa chỉ nơi ở. Hiện tại đương sự đang ở nước ngoài hay ở Việt Nam.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa tuân theo đúng quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có địa chỉ Phường 1, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với địa chỉ của bị đơn, qua xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như Tòa án thu thập, thể hiện: Theo biên nhận vay tiền ngày 09/01/2017, ông Phạm Thành P có địa chỉ tại số 66/6, lô B, KDC Sao Mai, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và theo văn bản xác nhận của Công an Phường 1, thành phố Cao Lãnh thì địa chỉ nơi ông P đăng ký hộ khẩu Tổng trú tại số 66/6, Tổ 12, Khóm 1, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời nguyên đơn cũng cung cấp tài liệu chứng cứ là kết quả xác minh của Tòa án ngày 26/01/2018 thể hiện địa chỉ số 66/6, lô B, KDC Sao Mai, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và số 66/6, Tổ 12, Khóm 1, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là một địa chỉ. Tuy nhiên, ông P và bà Linh hiện tại không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/5/2019, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an Tỉnh cung cấp cho Tòa án thông tin có liên quan đến đương sự Phạm Thành P và Nguyễn Thị Kiều Linh như sau: Đương sự Phạm Thành P, sinh ngày 10/02/1965, CMND số 340678097, hộ chiếu B2830688, địa chỉ Tổng trú trước khi làm hộ chiếu tại số 300, đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đương sự đã xuất nhập cảnh Việt Nam 03 (ba) lần, lần đầu xuất cảnh vào ngày 04/5/2010, xuất cảnh lần cuối ngày 27/01/2017 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh. Đương sự Nguyễn Thị Kiều Linh, sinh ngày 25/7/1967, CMND số 341430036, số hộ chiếu B2830686, địa chỉ Tổng trú trước khi làm hộ chiếu tại số 300, đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đương sự đã xuất nhập cảnh Việt Nam 11 (Mười một) lần, lần đầu xuất cảnh vào ngày 23/3/2009, xuất cảnh lần cuối ngày 02/9/2016, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh. Mặc khác, tại các biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Khoa Nam (là con ruột của ông P và bà Linh, cùng hộ khẩu với ông P và bà Linh) thể hiện, ông P và bà Linh đã xuất cảnh nhưng không biết đi nước nào, anh Nam cũng không biết địa chỉ của ông P, bà Linh hiện tại đang ở đâu, không thể cung cấp địa chỉ của ông P, bà Linh cho Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định hiện tại không biết địa chỉ của ông P và bà Linh đang ở đâu. Chỉ xác định tại thời điểm ông P ký kết hợp đồng vay tiền của ông T, ông P đang ở địa chỉ số 66/6, Tổ 12, Khóm 1, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó ông P đi đâu thì ông T không biết.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, khi ký kết giao dịch vay tiền, địa chỉ mà đương sự ghi trong biên nhận ngày 09/01/2017 và địa chỉ của đương sự đang cư trú là có thật và trùng khớp với nhau nên căn cứ vào Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự đã hướng dẫn cụ thể: "...Trong trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc, nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...". Bên cạnh đó, theo lời trình bày của anh Khoa Nam, xác định anh Nam có thông báo về việc Tòa án thụ lý việc ông T khởi kiện ông P với nội dung nêu trên cho ông P biết nhưng ông P cho rằng không biết số nợ này như thế nào nhưng ông P vẫn không cung cấp thông tin về địa chỉ mới mà ông P đang ở cũng như trực tiếp về liên hệ với Tòa án để tham gia tố tụng trong vụ án. Như vậy, mặc dù hiện tại không xác định được địa chỉ của ông P nhưng theo quy định nêu trên và qua các tình tiết có liên quan trong trường hợp này được xem là đương sự cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ vào địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bằng việc thực hiện thủ tục thông báo trên P tiện thông tin đại chúng thể hiện qua các P tiện như: Báo Nhân Dân số ra 13 ngày 15/8/2019, số 14 ngày 16/8/2019 và số 15 ngày 17/8/2019; phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 13, 14, 15 tháng 9 năm 2019; đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án vào ngày 06/9/2019. Tuy nhiên ông P, bà Linh cũng không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông P, bà Linh. Đồng thời, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ liên đới của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Kiều Linh, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bà Linh liên đới cùng ông P trong biên nhận nợ ngày 09/01/2017.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Phạm Thành P trả cho nguyên đơn số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (2 tỷ đồng), không yêu cầu tính lãi bởi lẽ căn cứ mà nguyên đơn khởi kiện là biên nhận nợ ngày 09/01/2017 ghi nhận nội dung ông P vay của ông T số tiền 2.000.000.000 đồng (2 tỷ đồng), nguyên đơn cam kết chữ ký tên và ghi họ và tên trong biên nhận là của ông P. Đối với ông P, qua làm việc với anh Phạm Khoa Nam là con ruột của ông P thể hiện ông P có biết việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng không có văn bản ghi ý kiến gợi cho Tòa án về yêu cầu của ông T. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình xác định việc ông T cho ông P vay tiền là có thật, và đến nay ông P cũng không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền đã vay theo biên nhận ngày 09/01/2017 cho ông T. Đồng thời ông T cũng không thừa nhận việc ông P đã trả số tiền vay nêu trên cho ông T. Do đó, theo các quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T là có căn cứ, nên chấp nhận.

Đối với 04 bản photocopy bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở; sổ chứng nhận BC697012; thửa đất số 375; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp ngày 28/3/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC898893; thửa đất số 180; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh cấp ngày 05/10/2005; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 878662986600547; thửa đất số 180-181; tờ bản đồ số 29, do Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh cấp ngày 07/11/2006. Ông T chỉ giữ bản phô tô và ông T không yêu cầu gì nên không đặt ra vấn đề để xem xét.

Về lãi suất chậm trả: tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên không thỏa thuận được lãi suất chậm trả, Tòa án xem xét tính lãi suất chậm trả theo Điều 357 và điều 468 bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTV – QH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận.

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh:

Về tố tụng: Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đề nghị Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy, như nội dung phân tích về địa chỉ của bị đơn nêu trên đã đủ căn cứ xác định vụ án thuộc

trường hợp bị đơn có tình giầu địa chỉ nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải thu thập theo đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh không phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Huỳnh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều Linh liên đới cùng ông Phạm Thành P trả cho ông Dương Huỳnh T số tiền vay là 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Huỳnh T về việc yêu cầu ông Phạm Thành P trả cho ông Dương Huỳnh T số tiền vay là 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng).

Buộc ông Phạm Thành P trả cho ông Dương Huỳnh T số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Thành P phải chịu 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Dương Huỳnh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000đồng (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 17464 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai, hoặc kể từ ngày bản án được thông báo trên P tiện thông tin đại chúng) theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Dương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Mỹ Như